TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN S **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**
Số: 130/2019/QĐST-HNGĐ	*S, ngày 24 tháng 4 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S - TP. ĐÀ NẴNG

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án
- Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 102/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2019 về việc "yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Bà Lương Thị Thu T. sinh năm: 1992, địa chỉ: tổ 38E, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng.
- Ông Lê Phước P. sinh năm: 1990, địa chỉ: 02 Lê Cảnh Tuân, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 16 tháng 4 năm 2019, người yêu cầu là bà Lương Thị Thu T và ông Lê Phước P đã thỏa thuận được như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: bà Lương Thị Thu T và ông Lê Phước P kết hôn vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, quận S, TP. Đà Nẵng (Giấy chứng nhận kết hôn số 150, do UBND phường N, quận S, TP. Đà Nẵng chứng nhận ngày 21/10/2016), hôn nhân tự nguyện. Trong quá trình chung sống đến năm 2017 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp, mâu thuẫn về kinh tế nên vợ chồng thường xuyên xảy

ra xích mích, cãi vả; mặt khác từ khi cưới nhau đến nay hai ông bà vẫn chưa có con chung nên tình cảm ngày càng lạnh nhạt, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2019 đến nay. Nay bà Lương Thị Thu T và ông Lê Phước P đều xác định không còn tình cảm gì với nhau nữa nên thống nhất thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: bà Lương Thị Thu T và ông Lê Phước P xác định chưa có con chung.

[3] Về tài sản chung: bà Lương Thị Thu T và ông Lê Phước P xác định không có.

[4] Về nợ chung: bà Lương Thị Thu T và ông Lê Phước P xác định không có.

[5] Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng, bà Lương Thị Thu T và ông Lê Phước P mỗi người chịu một nửa là 150.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) bà Lương Thị Thu T và ông Lê Phước P đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng theo biên lai số 07758 ngày 16/4/2019.

Xét thấy, sự thỏa thuận trên của hai ông bà là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về quan hệ hôn nhân: bà Lương Thị Thu T và ông Lê Phước P thống nhất thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 150, do UBND phường N, quận S, TP. Đà Nẵng chứng nhận ngày 21/10/2016).

* Về con chung: bà Lương Thị Thu T và ông Lê Phước P xác định chưa có con chung.

* Về tài sản chung: bà Lương Thị Thu T và ông Lê Phước P xác định không có.

* Về nợ chung: bà Lương Thị Thu T và ông Lê Phước P xác định không có.

2. Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng, bà Lương Thị Thu T và ông Lê Phước P mỗi người chịu một nửa là 150.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) bà Lương Thị Thu T và ông Lê Phước P đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng theo biên lai số 07758 ngày 16/4/2019.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *VKSND Q. S;*
- *Các đương sự;*
- *CC THADS Q. S;*
- *UBND P. N, quận S, TP. Đà Nẵng;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Võ Thị Phước Hòa